

Bản án số: 292/2024/DS-PT
Ngày: 24 -5- 2024
V/v tranh chấp "Quyền sử dụng
đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Tuyền.

Các Thẩm phán: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt

Bà Nguyễn Thị Ánh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà Hà Ngọc Thư Trúc- Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 529/2023/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc tranh chấp "Quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1049/2023/QĐ-PT ngày 19 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Cao Thị T, Sinh năm 1948;

Địa chỉ: Số B, V, phường E, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền cho bà T:

1/ Ông Huỳnh Phương V, Sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: G Lô R, phường G, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Lý Thị Ngọc M, Sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: G lô R, phường G, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Bà Huỳnh Thị Ánh T1, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: số A N, phường F, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn Bé T2, Sinh năm 1964 (có mặt);

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- **Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- 1/ Ông Huỳnh Chí H, sinh năm 1944 (vắng mặt);
- 2/ Ông Huỳnh Phương T3, sinh năm 1977 (vắng mặt);
- 3/ Ông Huỳnh Phương T4, sinh năm 1980 (vắng mặt);
- 4/ Bà Nguyễn Thị Kiều T5, Sinh năm 1985 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: Số B, V, phường E, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.
- 5/ Bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1965 (có mặt);
- 6/ Anh Trần Thanh T7, sinh năm 1995 (vắng mặt);
- 7/ Chị Trần Thị T8, sinh năm 1988 (vắng mặt);
- 8/ Anh Trần Thanh S, sinh năm 1992 (vắng mặt);
- 9/ Chị Trần Thị Hoa M1, sinh năm 1999 (vắng mặt);
Cùng địa chỉ: ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.
- 10/ Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C (vắng mặt);
Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thế P – Giám đốc.
- *Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Cao Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm.

** Đại diện ủy quyền cho nguyên đơn bà Lý Thị Ngọc M, ông Huỳnh Phương V trình bày:*

Nguyên bà T có thửa đất số 81, tờ bản đồ số 10, diện tích theo giấy 4.365,4 m² do bà đại diện hộ đứng tên được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 15/7/2014. Nguồn gốc thửa đất là do cha mẹ chồng chết để lại. Liên kề với thửa đất số 81 của bà T là thửa đất số 985, tờ bản đồ số TTRC2, diện tích 4.330 m² do ông Trần Văn Bé T2 đại diện hộ đứng tên được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 01/7/1998. Giữa 02 thửa đất tiếp giáp với nhau trước đây có 01 con mương, chiều ngang 1,2 m, chiều dài khoảng 82 m, con mương thuộc quyền sử dụng của bà T.

Thời gian qua, ông Bé T2 tự ý nhổ bỏ trụ ranh cũ, lấn chiếm qua phần đất của bà T, chiều ngang 2,46 m; dài khoảng 82 m, sau khi lấn chiếm ông T2 đã bơm cát, đất san lấp hết con mương và trồng cây trên phần tranh chấp. Khi bà T phát hiện có ngăn cản nhưng phía gia đình ông T2 không đồng ý di dời trụ ranh, trả lại phần đất lấn chiếm như hiện trạng ban đầu.

Qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp có diện tích 131,6 m².

Nay phía nguyên đơn yêu cầu ông T2 và các thành viên hộ ông trả lại phần diện tích lấn chiếm qua đo đạc thực tế là 131,6 m², phần đất này nằm trong thửa

đất số 81, tờ bản đồ số 10, diện tích theo giấy 4.365,4 m² do bà T đại diện hộ đứng tên được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 15/7/2014. Phía nguyên đơn không phải bồi hoàn giá trị các cây trồng trên đất.

** Bị đơn ông Trần Văn Bé T2 trình bày:*

Ông có đại diện hộ gia đình đứng tên thửa đất số 985, tờ bản đồ số TTRC2, diện tích theo giấy 4.330 m² được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 01/7/1998. Liên kê thửa đất của ông là thửa đất số 81 của bà Cao Thị T. Ranh giới thửa đất 02 bên là bức tường bê tông tiếp giáp khu mộ do bà T xây. Từ trước đến nay các bên đã sử dụng ổn định các thửa đất.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì ông không đồng ý vì xác định không có lấn chiếm đất của bà T.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T6 và chị Trần Thị Hoa M1 trình bày:*

Thống nhất ý kiến của bị đơn, không đồng ý các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 216/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ các điều 26, 35, 227, 228, 266, 267 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào các Điều 158, 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Căn cứ các Điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai. Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T về việc yêu cầu hộ ông Trần Văn Bé T2 phải di dời các cây trồng và trả lại phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích là 131,6 m², phần đất này bà Cao Thị T cho rằng nằm trong thửa đất số 81, tờ bản đồ số 10, diện tích nguyên thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.365,4 m² được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận QSDĐ ngày 15/7/2014 do bà Cao Thị T đại diện hộ đứng tên.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 26/9/2023, nguyên đơn Cao Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm;

Nguyên đơn bà Cao Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, hai bên đương sự không thỏa thuận được với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm dựa vào kết quả hiện trạng thửa đất ngày 15/01/2020 của Công ty TNHH Đ xác định đất 02 bên đều thiếu diện tích so với giấy chứng nhận được cấp, bên thiếu nhiều thì xác định diện tích đất tranh chấp của bên đó là thiếu cơ sở chắc chắn. Đất của nguyên đơn cấp đổi giấy chứng nhận theo công nghệ V1 diện tích mất 269,6m², còn đất bị đơn chưa được cấp đổi, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có yêu cầu trích lục sơ đồ Vlap, nhưng chưa được làm rõ, theo bản đồ Vlap tham khảo do Tòa sơ thẩm thu thập thì hướng tây thửa 81 giáp thửa 76 của ông Hồ Văn S1 ranh giới cũng không ổn định nên cần đưa ông S1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để làm rõ ranh giới và nguyên nhân giảm diện tích của thửa 81. Do án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, đề nghị hủy án sơ thẩm, chưa xét đến kháng cáo của nguyên đơn Cao Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Huỳnh Chí H, Huỳnh Phương T3, Huỳnh Phương T4, Nguyễn Thị Kiều T5, Nguyễn Thị T6, Trần Thanh T7, Trần Thị T8, Trần Thanh S, Trần Thị Hoa M1, Ngân hàng N – Chi nhánh huyện C vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ đúng quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị T xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp quyền sử dụng đất”, phần đất tranh chấp tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ quy định tại các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[3] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị T đúng quy định tại Điều 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung: Ngày 26/9/2023, nguyên đơn Cao Thị T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

[5] Ngày 15/01/2020 của Công ty TNHH Đ tiến hành đo vẽ hai phần đất tranh chấp giữa bà Cao Thị T và ông Trần Văn Bé T2, trong giai đoạn xét xử phúc thẩm nguyên đơn bà Cao thị T9 cầu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C tiến hành đo đạc lại hai phần đất đang tranh chấp, sơ đồ đo đạc của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C ngày 19/4/2024. Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà T9 yêu cầu lấy kết quả đo đạc ngày 15/01/2020 của Công ty TNHH Đ làm căn cứ giải quyết vụ án.

[6] Xét yêu cầu kháng cáo của bà T9:

Hộ bà Cao Thị T được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2014 đối với thửa đất số 81, TĐĐ số 10, diện tích 4.365,4 m², đất trồng cây lâu năm, tọa lạc ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang do bà T đại diện hộ đứng tên. Giáp ranh với thửa đất số 81 là thửa đất số 985 của hộ ông Trần Văn B Tư được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/7/1998, diện tích 4.330 m², TĐĐ số TTRC2, tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang, do ông T2 đại diện hộ đứng tên.

Bà T cho rằng trong quá trình sử dụng đất thì hộ ông T2 đã lấn chiếm con mương ranh giữa hai thửa đất có diện tích đo đạc thực tế là 131,6 m². Đây là con mương thuộc thửa đất số 81 nhưng hộ ông T2 đã tự ý lấn chiếm, san lấp và trồng cây. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu hộ ông T2 trả lại phần đất lấn chiếm nêu trên, di dời toàn bộ cây trồng trên đất; bà T không đồng ý bồi hoàn giá trị tài sản trên đất và tiền công san lấp cát cho hộ ông T2.

Ông T2 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T, vì đây là con mương thuộc thửa đất số 985 của hộ ông quản lý, sử dụng.

Tại biên bản đo đạc, định giá và xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/01/2020, theo trích lục bản đồ địa chính và phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 15/01/2020 của Công ty TNHH Đ thì hình thể thửa đất số 81 theo bà T xác định tương đối phù hợp với trích lục bản đồ địa chính. Mặt khác, Chi nhánh có văn bản cung cấp hồ sơ tài liệu về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất số 81 là xác định thửa đất này được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ thửa đất số 986 và thửa 1279.

Theo kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 15/01/2020 của Công ty TNHH Đ xác định:

- Cạnh chiều ngang giáp phần lề đường của thửa 81 hộ bà T là 62,39m; so với trích lục bản đồ địa chính thì giảm cạnh ngang 4,37m (chưa tính phần tranh chấp).

- Cạnh ngang của đất ông T2 theo trích lục bản đồ địa chính thì ngang giáp lề đường là 32m nhưng theo kết quả đo đạc thì 27,13m, thiếu 4,87m so với bản trích lục địa chính (chưa cộng phần tranh chấp).

Xét tổng diện tích đất được cấp so với đo đạc thực tế thì:

- Đất bà T thửa 81 là: $T1+T2=3.985,9m^2$

Nếu cộng phần tranh chấp thì: $3.985,9m^2 + 131,6 m^2 = 4.117,5m^2$ thiếu $247,9m^2$.

- Đất ông T2 thửa 985 là: $T6+T7+T8=3.446,9m^2$.

Nếu cộng phần tranh chấp thì: $3.446,9m^2 + 131,6m^2 = 3.578,5m^2$ thiếu $751,5m^2$ so Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

Như vậy, cả hai bên đều thiếu so với giấy chứng nhận được cấp nhưng đất ông T2 thiếu nhiều hơn cả cạnh ngang phía giáp đường bê tông và cả tổng diện tích thửa đất so với bà T.

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm bà T có yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C tiến hành đo đạc lại hai phần đất đang tranh chấp. Kết quả đo đạc ngày 19/4/2024 thể hiện :

- Đất bà T thửa 81 là: $3.910,4m^2$

Nếu cộng phần tranh chấp thì: $3.910,4\text{m}^2 + 249,8 \text{ m}^2 = 4.160,6\text{m}^2$ thiếu $204,8\text{m}^2$ so Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

- Đất ông T2 thừa 985 là: $3.435,6\text{m}^2$

Nếu cộng phần tranh chấp thì: $3.435,6\text{m}^2 + 249,8 \text{ m}^2 = 3.685,4\text{m}^2$ thiếu $644,6\text{m}^2$ so Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp.

- Cạnh chiều ngang giáp phần lề đường của thửa 81 hộ bà T là 62,05m; so với trích lục bản đồ địa chính ngang 66,76m thì giảm cạnh ngang 4,71m (chưa tính phần tranh chấp).

- Cạnh ngang của đất ông T2 theo trích lục bản đồ địa chính thì ngang giáp lề đường là 32m, nhưng theo kết quả đo đạc thì 28,90m, thiếu 3,1m so với bản trích lục địa chính (chưa cộng phần tranh chấp). Nếu cộng phần diện tích chiều ngang tranh chấp $3,60 + 28,90 = 32,5\text{m}$ thì đất ông T2 cạnh ngang dư 0,5m.

Tuy nhiên khi đo đạc cấp phúc thẩm ông T2 chỉ phần đất của mình cạnh ngang giáp đường sang phía nhà mồ của đất bà T là ngang 1,49m, đối với phần ngang 1,49m nằm trong nhà mồ thì ông T2 không có tranh chấp, bà T đã xây nhà mồ, phần mái che và tại biên bản hòa giải ngày 30/3/2022 ông T2 trình bày ranh giữa đất ông và đất bà T là tính từ nhà mồ của gia đình bà T ra 0,5m, như vậy $1,49\text{m} + 0,5\text{m} = 1,99\text{m}$. Trong phần tranh chấp ngang 3,6m thì hiện bà T đang quản lý sử dụng là 1,99m, phần còn lại 1,61m bà T đang tranh chấp yêu cầu ông T2 trả, nếu cộng với đất của ông T2 qua đo đạc thực tế $1,61 + 28,90 = 30,51\text{m}$ thì đất ông T2 thiếu cạnh ngang 1,49m.

Trong quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn nhiều lần yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ số liệu Vlap thửa đất của bị đơn, phía Tòa án cấp sơ thẩm có 02 văn bản gửi Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện C và theo kết quả phúc đáp số 2235/CV-CNVPĐK ngày 01/8/2023 và 2541/CV-CNVPĐK ngày 23/8/2023 đều xác định thửa đất số 985 của ông T2 chưa được cấp đổi theo số liệu đo đạc chính quy (Vlap) nên không trích lục được. Tuy nhiên thửa đất của ông T2 và thửa đất của bà T theo trích lục bản đồ địa chính và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã có kích thước hình thể tứ cận nên không cần phải có số liệu Vlap. Ngoài ra trong hồ sơ cũng thể hiện cấp sơ thẩm đã có thu thập sơ đồ Vlap để tham khảo thì phần cạnh giáp ranh giữa bà T với ông T2 còn thể hiện không thống nhất và ông T2 cũng chưa cấp đổi theo V1, nên không thể lấy sơ đồ Vlap làm căn cứ.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả lại phần đất lấn chiếm 131,6 m² là không có cơ sở xem xét. Án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các phần khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Về việc yêu cầu trích lục sơ đồ Vlap, nhưng chưa được làm rõ, đối với việc làm rõ sơ đồ Vlap là không cần thiết như nhận định, yêu cầu đưa ông Hồ Văn S1 vào tham gia tố tụng là không cần thiết vì phần đất bà T sang nhượng của ông S1 bà T đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và phần đất tranh chấp là phần giáp ranh của bà T với ông T2 không giáp ranh với phần đất bà T sang nhượng của ông S1. Do đó đề nghị của Viện kiểm sát không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[9] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Cao Thị T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 216/2023/DS-ST ngày 15 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các Điều 26, 35, 227, 228, 266, 267 và 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 158, 166, 175, 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 166, 170, 203 của Luật Đất đai.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị T về việc yêu cầu hộ ông Trần Văn Bé T2 phải di dời các cây trồng và trả lại phần đất qua đo đạc

thực tế có diện tích là 131,6 m², phần đất này bà Cao Thị T cho rằng nằm trong thửa đất số 81, tờ bản đồ số 10, diện tích nguyên thửa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 4.365,4 m² được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/7/2014 do bà Cao Thị T đại diện hộ đứng tên.

* Về án phí:

+ Bà Cao Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp số tiền là 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 10452 ngày 21/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên bà được hoàn lại 300.000 đồng. Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0012836 ngày 26/9/2023 Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Ngọc Tuyên